

## Phần Thứ Bốn Mười: XỨ CỦA BA TAM MUỘI

Ba Tam-muội là Tam-muội Không, Tam-muội Vô Nguyện, Tam-muội Vô Tướng.

Hỏi: Nên nói một Tam-muội như mười tâm, pháp tâm sở của mười Đại địa, như năm căn, năm lực, bảy chủng loại giác, tám loại đạo. Nói một Tam-muội, nên nói hai Tam-muội, như nói: Hữu lậu, vô lậu, nối tiếp nhau, không nối tiếp nhau, lệ thuộc, không lệ thuộc. Nên nói bốn Tam-muội, như nói: Lệ thuộc cõi Dục, lệ thuộc cõi Sắc, lệ thuộc cõi Vô Sắc, không lệ thuộc. Nên nói năm Tam-muội, như nói: Lệ thuộc cõi Dục, lệ thuộc cõi Sắc, lệ thuộc cõi Vô Sắc, đoạn, không đoạn.

Nên nói sáu Tam-muội, như nói: Lệ thuộc cõi Dục, lệ thuộc cõi Sắc, lệ thuộc cõi Vô Sắc, Học, Vô học, Phi học Phi vô học.

Nên nói chín Tam-muội, như nói: Tăng thượng, trung tăng thượng, hạ tăng thượng, trung thượng, trung hạ, trung trung. Hạ thượng, hạ hạ, hạ trung.

Nên nói mười tám Tam-muội: Chín thứ hữu lậu, chín thứ vô lậu, vì ý nên trong khoảnh khắc một thời gian có vô lượng Tam-muội.

Hỏi: Thế nào là một Tam-muội thiết lập rộng ba Tam-muội? Thế nào là vô lượng Tam-muội được thiết lập ba Tam-muội?

Đáp: Do ba việc:

1. Hành.
2. Không nguyện.
3. Duyên.

Hành là Tam-muội không hành hai hạnh, không hành chẳng phải ngã hành. Không nguyện: là không mong muốn hữu.

Hỏi: Nếu không mong muốn là vô nguyện, tức là không mong muốn đạo?

Đáp: Không.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì vô nguyện nghĩa là Thánh đạo có công năng dứt trừ hữu, cho nên không mong muốn hữu, Thánh đạo: Không mong muốn đạo, hướng chi là mong muốn hữu. Duyên: Vô tướng, vì lia mười pháp tướng. Mười pháp tướng: Là tướng của năm giới: sắc, thanh, hương, vị, xúc, tướng của hai chúng sinh: Tướng nam, tướng nữ, tướng hữu vi của ba hữu vi: sinh, lão, vô thường. Ở đây, nghĩa là không có một trong tướng hữu vi kia, vì lia khai mười pháp tướng nên gọi là Vô tướng. Đây nói là vì ba việc: Hành, vô nguyện và duyên, nên gọi là ba Tam-muội.

Hoặc nói: Vì trừ kiết, nên nói ba Tam-muội: Tam-muội Không dứt trừ thân kiến, Tam-muội vô nguyện dứt bỏ giới đạo, Tam-muội Vô tướng, dứt trừ nghi. Đây nói là vì trừ kiết, nên nói là ba Tam-muội.

Trong sự lập bày ấy: Tam-muội Không tức là Tam-muội Không, chẳng phải vô nguyện, chẳng phải vô tướng. Vô nguyện tức là vô nguyện, chẳng phải Tam-muội không, chẳng phải vô tướng. Tam-muội vô tướng tức là Vô tướng, chẳng phải Tam-muội Không, chẳng phải vô nguyện.

Hỏi: Vì sao nói riêng ba?

Đáp: Vì mỗi hành đều khác, nên nói là hạnh Tam-muội Không, hạnh này chẳng phải hạnh vô nguyện, chẳng phải hạnh vô tướng. Hành vô nguyện, hạnh này chẳng phải là hành Tam-muội không, chẳng phải là hành vô tướng. Nói là hành vô tướng, thì hành vô tướng này chẳng phải là hạnh Tam-muội Không, chẳng phải hạnh vô nguyện, đây nói là hành đều khác, nên nói riêng về ba Tam-muội.

Lại như nói: Tam-muội Không, tức là Tam-muội Không, cũng là vô nguyện, chẳng phải vô tướng. Nói Vô nguyện, tức là Vô nguyện, cũng là Tam-muội không, chẳng phải vô tướng. Nói vô tướng, tức là vô tướng, chẳng phải Tam-muội Không, cũng chẳng phải vô nguyện.

Hỏi: Vì sao đều nói là hai mà nói riêng một?

Đáp: Vì cùng lúc được, vì cùng dứt trừ kiết. Cùng một lúc được: Nếu dựa vào Tam-muội Không mà thủ chứng, thì cũng được vô nguyện. Nếu dựa vào vô nguyện mà thủ chứng, thì cũng được Tam-muội Không.

Cùng trừ kiết: Hai Tam-muội này đều có đủ, như dứt trừ chủng loại kiết thì đây nói là vì cùng lúc được, vì dứt trừ chung kiết, nên đều nói là hai, nói riêng một.

Lại như nói: Nói là Tam-muội không, tức là Tam-muội không, cũng là vô nguyện, cũng là vô tướng.

Hỏi: Vì sao tất cả đều nói?

Đáp: Tam-muội không này, không thường chấp là thường, thường trụ không biến đổi, cho nên tất cả đều nói vô nguyện, tức là vô nguyện, cũng là Tam-muội Không, cũng là vô tướng.

Hỏi: Vì sao Tam-muội này là vô nguyện?

Đáp: Vì Tam-muội này không muốn dâm, giận, si, cũng không mong hữu ở vị lai, cho nên Tam-muội này là vô nguyện.

Nói Tam-muội vô nguyện tức là vô tướng, cũng là Tam-muội Không, cũng là vô nguyện.

Hỏi: Vì sao Tam-muội này là vô tướng?

Đáp: Vì Tam-muội này không có sắc tướng, không có tướng thanh, hương, vị, xúc, pháp, cho nên Tam-muội này không có tướng.

Hỏi: Ba Tam-muội có tánh gì?

Đáp: Ba Tam-muội này có tánh hành ấm.

Giới: Hoặc lệ thuộc ba cõi, hoặc không lệ thuộc.

Địa: Hoặc mười một địa, hoặc chín địa.

Chỗ dựa: Dựa vào ba cõi.

Hành: Tam-muội Không có hai hành: Hành không và hành phi ngã. Vô nguyện có mười hành: Hành vô thường nhân tập bốn duyên, đạo chánh hướng tới xuất ly. Vô tướng có bốn hành: tận, chỉ, diệu, ly. Trong đây, nên có bốn trường hợp:

Hỏi: Nói là Tam-muội Không cũng là hành của hành phải không chẳng?

Đáp: Hoặc Tam-muội Không chẳng phải hành của hành không.

Hỏi: Thế nào là Tam-muội Không chẳng phải hành của hành không?

Đáp: Nghĩa là hành Tam-muội Không chẳng phải là ngũ hành, đây nói là Tam-muội Không chẳng phải hành của hành không.

Hỏi: Thế nào là hành không, chẳng phải Tam-muội không?

Đáp: Nghĩa là khi hạnh của Tam-muội không chuyển vận thì tương ứng với các pháp, đây nói là hành của hành không chẳng phải Tam-muội không.

Hỏi: Thế nào là Tam-muội Không cũng là hành của hành không?

Đáp: Nghĩa là hành không của hành Tam-muội Không, đây nói là Tam-muội không cũng là hành của hành không.

Hỏi: Thế nào là chẳng phải Tam-muội Không, cũng chẳng phải là hạnh của hành không?

Đáp: Nếu nhận lấy liền chủng loại này nên nói là hạnh Tam-muội Không, pháp tương ứng của hành khác. Nếu không nhận lấy ngay chủng loại này, nên nói là dứt trừ hành này ra như hành.

Như thế là đã thực hành, sẽ thực hành như ba lần bốn câu của hành không. Cũng thế, hành vô ngã cũng ba lần bốn câu, đây tức là sáu lần bốn câu của Tam-muội không, Vô nguyện có ba mươi, vô tướng có mười hai, đều nói là bốn mươi tám lần bốn câu.

Duyên: Tam-muội không duyên khổ đế, vô nguyện duyên ba đế, vô tướng duyên tận đế.

Ý chỉ: Tam-muội Không, Vô nguyện có bốn ý chỉ, vô tướng là pháp ý chỉ.

Trí: Dù tánh chẳng phải trí, nhưng tương ứng với bốn trí của Tam-muội Không: Pháp trí, vị trí trí, khở trí, đẳng trí. Vô nguyện tương ứng với bảy trí: pháp trí, vị trí trí, đẳng trí, tri tha tâm trí, khở trí, tập trí, đạo trí. Vô tướng tương ứng với bốn trí: pháp trí, vị trí trí, tận trí và đẳng trí.

Định: tức là định.

Thống (thọ): Lạc căn, hỷ căn, hộ (xả) căn tương ứng với ba thống (thọ).

Hỏi: Nên nói là quá khứ, nên nói là vị lai, nên nói là hiện tại chẳng?

Đáp: Nên nói quá khứ, nên nói vị lai, nên nói hiện tại.

Hỏi: Nên nói duyên quá khứ, nên nói duyên vị lai, nên nói duyên hiện tại chẳng? Nên nói không phải duyên thế gian chẳng?

Đáp: Không, vô nguyện, nên nói là duyên của quá khứ, nên nói là duyên của vị lai, nên nói là duyên của hiện tại. Vô tướng: Nên nói không phải là duyên thế gian.

Hỏi: Nên nói duyên danh chẳng? Nên nói duyên nghĩa chẳng?

Đáp: Nên nói duyên danh, nên nói duyên nghĩa.

Hỏi: Nên nói duyên ý mình chẳng? Nên nói duyên ý người chẳng? Nên nói không phải duyên ý chẳng?

Đáp: Tam-muội Không, Vô nguyện, nên nói là duyên ý mình, nên nói là duyên ý người, Tam-muội Vô tướng, phải nói là chẳng phải duyên ý. Đây là tánh của ba Tam-muội.

Đã gieo trồng nơi thân tướng tất cả tự nhiên. Đã nói tánh Tam-muội xong, sẽ nói về hành Tam-muội:

Hỏi: Vì sao nói Tam-muội? Tam-muội có nghĩa gì?

Đáp: Vì ba việc nên nói Tam-muội:

1. Đẳng (kết hợp).
2. Nối tiếp nhau.
3. Duyên ràng buộc.

Đẳng: Chúng sinh với pháp tâm sở rối loạn trong thời gian lâu, nghĩa là nhờ Tam-muội khiến cho được chánh chân.

Sự nối tiếp nhau: Qua thời gian khá lâu, pháp tâm sở của chúng sinh không sinh theo thứ lớp, nếu sinh thiện, thì sẽ có bất thiện, vô ký, nếu sinh bất thiện, thì sẽ có thiện, vô ký, nếu sinh vô ký, thì sẽ có thiện, bất thiện, khiến cho hoàn toàn thứ lớp sanh thiện nối tiếp ràng buộc nhau, trừ bất thiện vô ký chỉ nhân nơi Tam-muội duyên ràng buộc: Chúng sanh trong thời gian lâu, pháp tâm sở đã bị phân tán, sắc, thanh,

hương, vị, xúc, pháp, khiến được gồm thâu, tìm chế sự ràng buộc trong một duyên.

Đây nói là vì ba việc: Đẳng (kết hợp), nối tiếp duyên ràng buộc nên nói là Tam-muội.

Hoặc nói: Do ba việc:

1. Thâu tóm.
2. Không tán loạn.
3. Không xả bỏ.

Nên nói là Tam-muội.

Hoặc nói: Lại có ba việc:

1. Ý.
2. Không lìa tan.
3. Nối tiếp nhau.

Nên nói là Tam-muội.

Như trong Khế kinh của Đức Thế Tôn nói: Ba Tam-muội, ba môn giải thoát.

Hỏi: Ba Tam-muội: Tam-muội không, vô nguyện, vô tướng, giải thoát môn cũng là Tam-muội không, vô nguyện, vô tướng. Hai pháp này có gì khác nhau?

Đáp: Tam-muội: hữu lậu, vô lậu, giải thoát môn là hoàn toàn vô lậu, đây là điểm khác nhau.

Hỏi: Luận điểm này bèn có luận mới sinh: Vì sao Tam-muội thì có hữu lậu, vô lậu, còn môn giải thoát thì hoàn toàn vô lậu?

Đáp: Đây là môn giải thoát là môn giải thoát thì không nên có lậu, cũng không nên có sự ràng buộc. Cho nên Tam-muội có hữu lậu, vô lậu, còn môn giải thoát thì hoàn toàn vô lậu.

Hỏi: Môn giải thoát, nghĩa là vì thủ chứng nên là môn giải thoát hay vì hữu lậu tận nên là giải thoát môn? Nếu vì thủ chứng nên là môn giải thoát, thì lẽ ra tương ứng với khổ pháp nhãn mới là môn giải thoát. Pháp khác thì không phải. Nếu vì hữu lậu tận là môn giải thoát, thì lẽ ra tương ứng với Tam-muội Kim cương là môn giải thoát, pháp khác thì không phải. Soạn luận này xong, đáp là Giải thoát: Vì thủ chứng, cũng là lậu tận.

Hỏi: Nếu vì thủ chứng, lậu tận là môn giải thoát, lẽ ra tương ứng với khổ pháp nhãn là môn giải thoát, ngoài ra là không phải, đúng chăng?

Đáp: Vì tất cả thủ chứng, vì được tất cả lậu tận, nên gọi là môn giải thoát.

Hỏi: Vì sao gọi là môn?

Đáp: Vì hướng đến trước mặt nên gọi là môn, như người dùng cảm mạnh khỏe, cầm thuẫn tự che, dùng dao thật bén hại kẻ thù kia. Cũng thế, hành giả dùng Tam-muội hướng đến trước mặt xong, dùng dao tuệ sắc bén hại kẻ thù kia. Cũng vậy, nói là vì hướng đến trước mặt, nên gọi là môn. Như nơi Khế kinh Đức Thế Tôn nói: Dùng ba Tam-muội làm tràng hoa.

Hỏi: Vì sao Phật, Thế Tôn nói ba Tam-muội là tràng hoa?

Đáp: Vì tăng thượng cung kính, vì rất màu nhiệm, như người dùng mũ gắn tràng hoa đội lên đầu, vì đẹp nên được người khác cung kính. Cũng thế, hành giả dùng tràng hoa ba Tam-muội gắn trên mũ đội đầu, vì đẹp để nên trời và người tăng thượng cung kính, đây nói là tăng thượng cung kính, vì rất tinh diệu nên nói ba Tam-muội là tràng hoa.

Hoặc nói: Như chiếc mũ đội trên đầu người có quán tràng hoa, gió không làm tóc họ rối, cũng thế, công đức, căn thiện của chiếc mũ đội đầu ba Tam-muội của bậc Thánh, cơn gió giác quán không thể gây rối loạn, cho nên như thế.

Hoặc nói: Như người dùng chỉ màu kết hoa làm tràng, được dính lâu, không mau rời rã. Cũng thế, ba Tam-muội của bậc Thánh kết thành tràng hoa công đức, được bền chặt lâu, không mau quên nhanh, cho nên như thế.

Hoặc nói: Như người dùng hoa kết thành tràng, thì thường ngay thẳng, cũng thế, bậc Thánh dùng ba Tam-muội để kết thành tràng công đức, phần nhiều được thẳng, thủ chứng, đắc quả, trừ kiết, lậu tận.

Do việc này, nên trong Khế kinh của Phật nói: Xá-lợi-phất! Đệ tử bậc Thánh đã thành tựu tràng ba Tam-muội, trừ bỏ bất thiện, tu hành điều thiện, cho nên như thế.

Hoặc nói: Dùng ba Tam-muội làm tiếng gầm sư tử lớn như nói: Tôn giả Xá-lợi-phất đi dạo ở Câu-tát-la, nghỉ lại trong rừng núi, cách đó không xa, có các đệ học cũng nghỉ trong khu rừng đó. Bấy giờ, dân chúng dạo chơi ở tiết hội tháng tư. Các đệ học kia có chút duyên sự xuống núi, đến nhân gian, gặp tiết hội, được xơi rượu thịt no nê. Họ say, nách cấp bình trở về rừng cũ. Từ xa, họ thoáng thấy Tôn giả Xá-lợi-phất, họ có ý nghĩ khinh thường Xá-lợi-phất: Thật là kỳ lạ, ta cũng nghỉ lại ở rừng, ông ấy cũng nghỉ lại ở rừng. Ta cũng xuất gia, ông ấy cũng xuất gia. Ta cũng từ bỏ sắc đẹp của vợ, ông ấy cũng từ bỏ. Ta có thú vui như thế, ông ta có nỗi khổ này! Tức thì nói kệ:

*Rượu ngon, ta uống say*

*Nay lại giữ một bình  
Núi, đất cùng cỏ, cây  
Đều một màu vàng rờng!*

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Phạm chí gây mòn chết tiệt này mà còn có thể nói được kệ này, ta đâu không thể dùng kệ đáp lại họ, lập tức nói kệ:

*Ta uống rượu vô tướng  
Cầm bình Tam-muội không  
Núi đất cùng cỏ cây  
Giống như nhìn đám dãi!*

Trong kệ này, Tôn giả Xá-lợi-phất đã dùng ba Tam-muội để làm tiếng rống của sư tử: Ta uống rượu vô tướng: Đây là hiển hiện Tam-muội vô tướng. Cầm bình Tam-muội Không: Đây là hiển hiện Tam-muội Không. Núi, đất, gò, cỏ cây, nhìn lại như nhỏ bỏ đám dãi: Đây là hiển hiện Tam-muội Vô nguyện.

Như thế, trong kệ này, Tôn giả Xá-lợi-phất rống lên tiếng rống sư tử. Do vậy, nên trong Khế kinh của Phật nói: Ba Tam-muội là tràng hoa.

Hỏi: Sự gây mòn của cái chết, nghĩa là không có mạng căn, không có ý, không phải là số chúng sinh. Phạm chí kia có mạng, có ý là số chúng sinh, vì sao Tôn giả nói là sự gây mòn của cái chết?

Đáp: Vì Phạm chí ấy có ý khinh dễ nên nói ồm chết.

Hoặc nói: Vì Phạm chí kia không có mạng căn tuệ, nên nói là gây đét, chết tiệt.

Có thuyết nói: Đây là nói đa số có vô tướng: hoặc dùng Tam-muội Không để nói vô tướng, hoặc dùng kiến đạo nói vô tướng, hoặc dùng không có nghi nói vô tướng, hoặc dùng Phi tướng phi bất tướng nói vô tướng, hoặc dùng vô tướng nói vô tướng. Hoặc dùng Tam-muội Không nói vô tướng, như nói: Ta vốn không có tướng. Tam-muội là những việc đã làm, là những việc ta đã làm: Nay ta dừng lại, không muốn, Tỳ-kheo kia tư duy pháp không, bèn quên tướng chúng sinh, không thấy tướng nam, nữ. Đây là Tam-muội Không nói vô tướng.

Lại nữa, Tam-muội Không nói vô tướng, như nói: Có một Tỳ-kheo được môn Không giải thoát mà không tự biết là quả gì, công đức gì? Tỳ-kheo kia nghĩ rằng: Ai có thể vì ta ghi nhận quả và công đức của Tam-muội này? Lại nghĩ: Tôn giả A-nan đã được bậc Thánh khen ngợi, Đức Thế Tôn đã ấn chứng cho A-nan, hẳn tôn giả có khả năng vì ta ghi nhận quả và công đức của Tam-muội này! Lại nghĩ: Nếu ta đến chỗ

Tôn giả A-nan để hỏi về công đức quả nào của Tam-muội, thì hoặc có thể Tôn giả A-nan sẽ hỏi lại ta: Tỳ-kheo! Thầy đã được Tam-muội này phải chăng? Nếu ta nói đã được thì làm sao chỉ cho Tôn giả biết công đức của mình. Nếu ta nói không được, tức là khi đối bậc Tỳ-kheo Tôn thượng kia: Nếu ta yên lặng, tức quấy nhiễu, xúc phạm bậc tôn trên. Tỳ-kheo lại nghĩ: Ta nên theo sát Tôn giả A-nan, hoặc có thể từ người khác theo sát Tôn giả A-nan để được nghe nói về việc này. Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy đã theo sát Tôn giả A-nan ròng rã suốt sáu năm mà vẫn không nghe Tôn giả nói về chuyện này.

Bấy giờ, vì Tỳ-kheo kia về sau, từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y bày vai phải, chấp tay hướng về Tôn giả A-nan, bạch Tôn giả A-nan: Bạch Tôn giả A-nan! Với Tam-muội này, tôi đã siêng năng tinh tiến tu hành, không thêm, không bớt, như nước đứng yên, vì trụ lại nên giải thoát, vì giải thoát nên trụ lại. Vậy Tam-muội này có quả gì, công đức gì?

Tôn giả A-nan hỏi: Tỳ-kheo! Thầy đã được Tam-muội này phải chăng?

Tỳ-kheo đáp: Vâng, thưa Tôn giả! Tôi đã được Tam-muội này!

Tôn giả A-nan nói: Tỳ-kheo! Thầy nói là chính thầy đã siêng năng tinh tiến tu hành tam muội này không thêm, không bớt, như nước đứng yên, vì trụ lại nên giải thoát, vì giải thoát nên trụ lại. Tỳ-kheo! Nhờ quả trí, công đức trí của Tam-muội này, không bao lâu thầy sẽ được trí, siêng năng tu hành Tam-muội này một cách chuyên chí, mạnh mẽ cho nên nói siêng năng tinh tiến tu hành, không thêm, không bớt, nghĩa là không thêm tăng Niết-bàn, không bớt sinh tử, cho nên nói không thêm, không bớt.

Hoặc nói: Không thêm nghĩa là dứt trừ ngã, không bớt nghĩa là dứt trừ ngã.

Hoặc nói: Không thêm nghĩa là dứt bỏ ngã kiến, không bớt nghĩa là dứt trừ hữu ngã kiến, cho nên nói không thêm, không bớt. Như nước định dừng lại, như mắt suối chảy ra nước, che mắt suối, không bỏ. Cũng thế, Tam-muội được duyên sinh mà không bỏ duyên Tam-muội kia. Tỳ-kheo! Quả trí, công đức trí của Tam-muội này: Thủ chứng được quả, vì lậu tận nên nói quả trí, công đức trí!

Ở đây, Tỳ-kheo kia, sau khi nghe Tôn giả A-nan đã dùng phương tiện tốt nói dụ, trong tâm vui mừng, tụng tập thọ trì xong, lễ dưới chân Tôn giả A-nan, đi nhiều quanh Tôn giả A-nan rồi đi.

Tỳ-kheo kia được Tôn giả A-nan truyền dạy, một mình ngồi yên tĩnh, tâm buông xả, siêng năng tinh tiến du hóa xong, biết pháp, cuối



cùng được quả A-la-hán.

Đây là Tam-muội Không nói Vô tướng. Kiến đạo nói Vô tướng: Như Phật đã nói: Mục-kiền-liên! ĐỀ-xá-phạm kia không vì ông ghi nhận người tu hành Vô tướng thứ sáu chăng? Người tu hành Vô tướng thứ sáu: Người Kiên tín, Kiên pháp, nghĩa này nói là người tu hành Vô tướng thứ sáu. Vô tướng kia không thể đếm, không thể thiết lập. Hoặc dừng lại ở đây, hoặc dừng lại ở kia, hoặc khổ pháp nhãn, hoặc khổ pháp trí, hoặc khổ vị tri nhãn, hoặc khổ vị tri trí, hoặc tập pháp nhãn, hoặc tập pháp trí, hoặc tập vị tri nhãn, hoặc tập vị tri trí, hoặc tận pháp nhãn, hoặc tận pháp trí, hoặc tận vị tri nhãn, hoặc tận vị tri trí, hoặc đạo pháp nhãn, hoặc đạo pháp trí, hoặc đạo vị tri nhãn. Đây là nói Vô tướng, không thể đếm, không thể thiết lập. Vì lý do này, nên Kiên tín, Kiên pháp được nói là người Vô tướng thứ sáu.

Trong đây, Kiến đạo nói Vô tướng.

Hỏi: Vì sao kiến đạo này nói Vô tướng?

Đáp: Vì kiến đạo là đạo nhanh chóng, là đạo không dừng lại. Vì thế cho nên kiến đạo nói Vô tướng, hoặc không có nghi, nói Vô tướng, như nói: Tôn giả Cù-đà, có tướng dục, tướng giận dữ, tướng ngu si. Nếu không có, thì đây nói là Vô tướng, đây nói là không có nghi ngờ.

Trong đây nói không có nghi là không có tướng.

Hỏi: Vì sao nói không có nghi là không có tướng?

Đáp: Kiết, có công năng làm thoái lui, vì tướng của kiết. Không có nghi, sẽ không bớt, không thoái lui. Vì lẽ đó, nên không có nghi, nói không có tướng.

Hoặc Phi tướng, phi bất tướng, nói là Vô tướng, như nói: Hành giả kia đã vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, Phi tướng, phi bất tướng xứ, thành tựu sự du hóa.

Trong đây, Phi tướng, phi bất tướng nói là Vô tướng.

Hỏi: Vì sao Phi tướng, phi bất tướng nói là Vô tướng?

Đáp: Vì tướng kia cũng không phải định, chẳng phải tướng cũng chẳng phải định.

Tướng không phải định: Như chánh thọ của bảy tướng.

Chẳng phải tướng cũng chẳng phải định: Như chánh thọ của Vô tướng, chánh thọ của tướng diệt, là chậm lụt, là không nhạy bén, là không nhanh chóng.

Không có tướng tức nói Vô tướng: Như nói: Ba Tam-muội: Tam-muội Không, Tam-muội Vô nguyện, Tam-muội Vô tướng. Vô tướng trong đây, tức nói Vô tướng. Như Thế Tôn nói: Tam-muội không là nơi

an trụ của bậc Thượng tôn.

Hỏi: Vì sao nói Tam-muội không là nơi an trụ của bậc Thượng tôn?

Đáp: Vì các bậc thượng tôn thường đi dạo trong Tam-muội Không đó.

Tam thiên đại thiên quốc độ, Phật Thế Tôn là bậc tối thượng tôn kính trong các công đức, thường tự tại trong Tam-muội này.

Tôn giả Xá-lợi-phất là bậc thượng thượng thứ hai. Cũng thường an trụ trong Tam-muội Không này. Đây là nói chỗ bậc thượng tôn an trụ, thường dạo chơi trong đó, gọi là chỗ tựa trụ của bậc tôn thượng.

Hoặc nói: Tam-muội Không vì không cùng chung với pháp này, nên nói chỗ an trụ của bậc thượng tôn là Tam-muội Không. Dù là người trăm tuổi ở trong pháp ngoài này, nhưng người kia vẫn gọi là thành tựu nhỏ, vì ngu pháp. Dù người bảy tuổi ở pháp này, nhưng người ấy được gọi là sự thành tựu của bậc thượng tôn, vì là pháp của bậc thượng tôn, nghĩa là Tam-muội không vì không ở chung với pháp này, nên gọi là chỗ an trụ của bậc thượng tôn.

Hỏi: Vô tướng, vô nguyện đối với pháp ngoài này là có, hay không?

Đáp: Dù Vô tướng vô nguyện không có căn bản, hoặc có vô nguyện tương tự, hành tương tự là hành thô, hành tương tự của Vô tướng là hành chỉ. Tất cả chín mươi sáu thứ thuật đều không có Tam-muội Không tương tự, hướng chỉ là Tam-muội Không căn bản. Nghĩa là vì Tam-muội Không chẳng ở chung với pháp này, cho nên nói chỗ an trụ của bậc tôn thượng.

Hoặc nói: Vì an trụ trong định, nên nói Tam-muội Không là chỗ an trụ của bậc thượng tôn. Chúng sinh này vì chưa quán không, nên thường rong ruổi bên ba không dừng trụ, như nước bị khuấy động, ý do đó, không dừng trụ. Nếu quán pháp không rồi thì trụ trong định, không di động, như núi Tu-di. Đây nói là nói an trụ trong định, nên nói Tam-muội không là an trụ của bậc thượng tôn.

Hoặc nói: Tất cả ái, phi ái, tiện, bất tiện, thiện, bất thiện, lạc cụ, khổ cụ, đều không chung, thế nên nói Tam-muội không là chỗ an trụ của bậc thượng tôn. Như nói: Mẹ của Tôn giả Xá-lợi-phất qua đời, đệ tử lui trở về nhà. Ngay khi ấy, Tỳ-kheo Hắc Xỉ, người thường xuyên không tương đắc với Tôn giả Xá-lợi-phất. Tỳ-kheo ấy nghĩ: Ta sẽ đến chỗ Tôn giả để nói với ông ta và hỏi qua về hung tin này! Bèn đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, nói rằng: Tôn giả Xá-lợi-phất muốn biết không? Mẹ Tôn

giả qua đời, còn đệ tử thì lui trở về nhà!

Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Tỳ-kheo Hắc Xỉ! Về việc này, ta đã biết phải làm sao rồi! Như thầy đã nói việc mẹ ta qua đời, đây là tính chất của hữu. Ai sinh mà không tử? Còn thầy nói việc đệ tử ta lui trở về nhà ấy, đây là tính chất của người phạm phu là thường dao động. Đức Thế Tôn nói: Chỉ có bậc Thánh mới không dao động. Như đã nói: A-nan là người đã thấy đế, biết đã phạm giới, xả giới, thoái lui trở về nhà là chẳng có việc ấy.

Tỳ-kheo Hắc Xỉ nghĩ rằng: Mặc dù Tôn giả có lời lẽ này, nhưng tâm trạng tất nhiên không vui!

Tôn giả Xá-lợi-phất hiểu việc này rồi, vào sáng sớm hôm sau, sửa sang y phục, mang bát đi vào thành Xá-vệ khát thực. Sau khi ăn xong, cất y bát, rửa tay chân, vắt Ni-sư-đàn lên vai trái vào rừng An-đà ngồi thiền.

Trong khi ngồi thiền ở đây, Tôn giả Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Thế gian có rất nhiều việc tốt đẹp, đáng yêu, chúng sẽ đổi thay, khởi lên trong ta bao nỗi lo buồn, khổ não! Lại nghĩ thế gian không có việc gì tốt đẹp, đáng yêu, là sẽ biến đổi khởi lên trong ta nỗi lo buồn, khổ não!

Bấy giờ, đã quá trưa, Tôn giả Xá-lợi-phất xuất thiền, ra khỏi rừng An-đà, đến vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Thái tử Kỳ-đà. Tôn giả A-nan từ xa thoáng thấy Tôn giả Xá-lợi-phất đang đi đến, bèn nói: Lành thay! Tôn giả Xá-lợi-phất mới đến! Từ đâu đến, ngồi thiền ở chỗ nào?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: A-nan! Tôi từ rừng An-đà đến và ngồi thiền ở đó!

Tôn giả A-nan hỏi: Tôn giả Xá-lợi-phất! Trong rừng An-đà, làm sao ngồi thiền được?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: A-nan! Ta ở rừng An-đà, tư duy có giác, có quán.

A-nan hỏi: Tôn giả Xá-lợi-phất! Tam-muội có giác, có quán là sao?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: A-nan! Lúc ngồi thiền trong rừng An-đà, ta nghĩ rằng: Ở thế gian này có rất nhiều việc tốt đẹp, đáng yêu nó sẽ đổi thay khởi lên trong ta nỗi buồn lo, khổ não!

Tôn giả A-nan hỏi: Lúc khởi niệm này, Tôn giả đã được những gì?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: A-nan! Ta nghĩ rằng: Thế gian không có việc gì tốt đẹp, đáng yêu, đổi thay mà khởi lên trong ta bao nỗi lo buồn khổ não!

Tôn giả A-nan hỏi: Tôn giả Xá-lợi-phất có kính yêu Đức Thế Tôn hay không?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: A-nan! Ta vô cùng yêu kính Đức Thế Tôn!

Tôn giả A-nan hỏi: Nếu Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn, thì Tôn giả có vì thế mà cảm thấy lo buồn, khổ não hay không?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: A-nan! Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn, ta không cảm thấy lo buồn khổ não, mà chỉ nghĩ: Thế Tôn nhập Niết-bàn quá nhanh chóng, mất thế gian diệt quá nhanh chóng!

Tôn giả A-nan nói: Lành thay! Lành thay! Tôn giả Xá-lợi-phất! Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn, không khởi lo buồn khổ não. Vì sao? Vì như Phật, ta là cực đoạn của ta!

Đây là nói tất cả ái, phi ái, tiện, bất tiện, thiện, bất thiện, lạc cụ, khổ cụ, đều không chung, cho nên nói: Tam-muội không là chỗ an trú của bậc thượng tôn.

Lại nữa, như nói: Thế Tôn ngự trong vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ, bấy giờ, Tôn giả A-nan đang ngồi thiền ở một chỗ, nghĩ rằng: Một đạo nọ, Đức Thế Tôn du hóa tại xứ Thích chủng, thành tên Ni-Kiểm. Khi ấy, ta đã theo Thế Tôn, được nghe nghĩa do Đức Thế Tôn nói như thế này: “A-nan! Ta thường an trú trong Tam-muội Không. Những gì ta đã nói xưa kia, ông đã khéo biết, khéo thọ trì ra sao?”

Lúc ấy, Tôn giả A-nan, từ quá trưa xuất định, đi đến chỗ Đức Thế Tôn, lễ dưới chân Đức Thế Tôn rồi đứng qua một bên, bạch rằng: Bạch Đức Thế Tôn: Vâng thừa Thế Tôn! Xưa kia, vào một lúc nọ, Thế Tôn du hóa ở xứ Thích chủng, thành tên Ni-Kiểm. Lúc đó, con theo Thế Tôn, nghe nghĩa do Đức Thế Tôn giảng nói như thế này: A-nan! Ta thường an trú trong Tam-muội Không, vì sao. Xưa, Thế Tôn nói ông đã khéo biết, khéo thọ trì ra sao?

Như vậy, A-nan nói với Đức Thế Tôn xong, Đức Thế Tôn bảo: Đúng thế A-nan! Đúng thế A-nan! Ta đã nói, ông đã khéo biết, khéo thọ trì! Vì sao? A-nan! Nay ta cũng thường an trú trong Tam-muội Không.

Hỏi: Nếu A-nan đã khéo biết, khéo thọ trì thì vì sao còn hỏi Thế Tôn, nếu hỏi thì làm sao nói là khéo biết, thọ trì? Soạn luận này xong, đáp: Là khéo biết, khéo thọ trì!

Hỏi: Nếu đã khéo biết, khéo thọ trì thì vì sao còn hỏi?

Đáp: Vì Tôn giả A-nan ý bất định lo buồn về việc dòng họ Thích bị diệt hoại, nên hỏi.

Có thuyết nói: Vua Lưu-ly ngu si khi chinh phạt thành Ca-duy-la-

vệ, diệt hết dòng họ Thích kia. Tôn giả A-nan nghe vua Lưu-ly Ngu si chinh phạt Ca-duy-la-vệ, diệt hết dòng họ Thích của mình, sáng sớm hôm sau, làm bạn với một Tỳ-kheo đi vào thành xem. Thành xưa cũng như cung trời, nay như gò đồng: tường vách, mộc lớn, tường thấp, cửa sổ, cửa cái đều bị phá hoại hoàn toàn. Có các thứ cây hoa, cây ăn quả, vườn tược lâu gác đều sụp đổ nằm ngổn ngang đầy đất. Bao nhiêu ao hoa, ao hoa sen, ao hoa sen xanh đều tàn rụi khô, cạn.

Các loài chim lạ: chim le, ngỗng trời, chim nhạn, chim oan ương, chim cù dục, chim anh vũ, chim công, thiên thu, chim sẻ xanh, bay trong hư không, khói lửa ngàn ngụt bốc lên bàng bạc khắp chốn.

Vô lượng nam, nữ mất cha, lạc mẹ, khóc lóc thảm thiết đi theo Tôn giả A-nan. Lúc đó, trong vườn Ưu-đàm-bát các đệ học đã chôn nửa thân bảy vạn Hiền Thánh dưới đất, rồi dùng voi lớn kéo sắt đập xuống.

Tôn giả A-nan thấy xong, càng thêm buồn bã xót xa! Đức Thế Tôn nhân xứ đó, nên cùng các Tỳ-kheo vây quanh trước sau, các căn định tĩnh, ý hành không lay động, vững như ngọn núi, gìn giữ tâm như bưng bát dầu, chế ngự ngựa năm căn, như Kim Sơn thanh tịnh, đi vào thành.

Lúc này, Tôn giả A-nan từ xa thoáng thấy Đức Thế Tôn phát ra ánh sáng, toàn thân sáng chói. A-nan thấy vậy nghĩ rằng: Thật là lạ lùng! Cùng sinh nơi đất này, cùng bị hủy hoại, cả giòng họ đều cùng diệt, ta có nỗi lo buồn như thế, mà Đức Thế Tôn như ngọn núi lớn không hề nghiêng ngã!

Đức Thế Tôn biết ý hành, ý nghĩ của Tôn giả A-nan, bèn bảo Tôn giả: A-nan! Ta thường an trụ trong Tam-muội Không, ông còn tưởng đến xóm làng, ta có đầy đủ tướng tĩnh lặng, trong khi ông còn tưởng về người, ta thì đầy đủ tướng pháp.

Khi ấy, Tôn giả A-nan và Tỳ-kheo khác bị mất thân tộc, lòng lo buồn không thể làm việc thiện.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì xứ này, nên du hóa nơi nhân gian, theo thứ lớp, đi giáo hóa đến nước Xá-vệ, ngự tại vườn Cấp Cô Độc, Tinh xá Kỳ-hoàn. Trong khi đó, tâm trạng lo buồn của Tôn giả A-nan đã chấm dứt, ở chỗ vắng lặng, nghĩ rằng: Xưa, một lúc nọ, Đức Thế Tôn du hóa ở xứ Thích chủng, thành tên Ni-kiêm. Khi đó, ta theo Đức Thế Tôn và được nghe nghĩa do Đức Thế Tôn nói: A-nan! Ta thường an trụ trong Tam-muội Không. Vì sao xưa, Đức Thế Tôn nói ta khéo biết, khéo thọ trì ra sao?

Ở đây, Tôn giả A-nan, từ sau giữa trưa xuất định, đi đến chỗ Đức

Thế Tôn, lễ dưới chân Phật rồi đứng qua một phía, bạch rằng: bạch Đức Thế Tôn! Xưa, một lúc nọ, Đức Thế Tôn du hóa ở xứ Thích chủng, thành tên Ni-kiêm. Khi ấy, con đã theo hầu nghe nghĩa Đức Thế Tôn đã nói: A-nan! Ta thường an trụ trong Tam-muội Không. Ông khéo biết, khéo thọ trì những gì ta đã nói ra sao?

Đức Thế Tôn bảo: Đúng thế, A-nan! Đúng thế, A-nan! Ta đã nói, ông đã khéo biết, khéo thọ trì. Vì sao? A-nan! Nay ta cũng thường an trụ trong Tam-muội Không.

Hỏi: Nếu hỏi vì sao nói là khéo biết, khéo thọ trì?

Đáp: A-nan khéo biết, còn khéo thọ trì thì sao? Nghĩa là thọ trì không điên đảo, thọ trì không trước không sau, không hề quên sót, chỉ vì bên trong còn mang nỗi lo buồn, trong ý không nhất định cho nên hỏi.

Có thuyết nói: Như Đức Thế Tôn nói: A-nan! Nay ta cũng thường an trụ trong Tam-muội Không. Lúc đó, các Tỳ-kheo nghe Phật nói, đều nghĩ rằng: Tam-muội Không này, Chư Phật, Thế Tôn tất nhiên là hành hóa không chung, chẳng phải các Thanh văn, Bích-chi-Phật. Lúc đó, Đức Thế Tôn đã biết rõ ý hành, ý niệm của các Thanh văn, bảo Tôn giả A-nan: A-nan! Có các Tỳ-kheo muốn thường an trú trong Tam-muội Không. A-nan! Các Tỳ-kheo ấy sẽ không nhớ nghĩ đến tướng làng xóm, không nghĩ đến tướng con người, nên nhớ nghĩ đến tướng vắng lặng.

Hỏi: Đức Thế Tôn thể hiện những gì là tướng xóm làng? Những gì là tướng người? Những gì là tướng vắng lặng? Những gì là tướng địa? Những gì là tướng vô lượng không xứ? Tướng của vô lượng Thức xứ? Tướng của vô sở hữu xứ? Những gì là định ý Vô tướng? Những gì là giải thoát ý hữu vi? Những gì là giải thoát ý vô vi? Những gì là lậu tận?

Đáp: Tướng xóm làng: hiện duyên tướng của thành Ca-Duy-la-Vệ. Tướng về con người là biểu hiện tướng giết hại người Xá Di. Tướng vắng lặng: Là biểu hiện tướng vườn cây Ni câu loại. Tướng của đất là biểu hiện tướng của Tứ thiên.

Tướng vô lượng không xứ, cho đến tướng Vô sở hữu xứ: Biểu hiện trừ cõi Dục, cõi Sắc này.

Hoặc nói: Tướng xóm làng biểu hiện cõi Dục. Cõi Dục, nghĩa là nói như xóm làng, như nói kệ:

*Là bỏ được làng xóm  
Măng nhiếc và buộc, hại  
Tỳ-kheo là khổ, vui  
Như núi không thể động.*

Tướng về người: Biểu hiện tướng của người phạm.

---

Tưởng vắng lặng: Biểu hiện tưởng của Nhị thiên, đây là nói sự vắng lặng của Hiền Thánh.

Tưởng đất: Biểu hiện tưởng diệt sắc, vì sắc cho nên có cật tai, mũi, tay, chân.

Tưởng về vô lượng Không xứ, cho đến tưởng về Vô sở hữu xứ: Biểu hiện sự dứt bỏ cõi Dục, cõi Sắc. Đây nói là biểu hiện tưởng làng xóm, đến tưởng về Vô sở hữu xứ.

Hỏi: Vì sao thường nói tưởng làng xóm, tưởng con người, đừng nên nhớ nghĩ?

Đáp: Vì hai tưởng này đã khiến các Tỳ-kheo mang nhiều nỗi lo buồn. Đức Thế Tôn nói: Nên buông bỏ hai tưởng này để thực hành pháp thiện.

Cho nên thường nói: Đừng nghĩ tưởng làng xóm, nghĩ tưởng con người.

Hỏi: Vì sao nên bỏ tưởng hạ, tưởng tăng thượng?

Đáp: Vì trị rối loạn. Nếu Đức Thế Tôn không bỏ tưởng hạ, tưởng tăng thượng, thì sẽ có rối loạn. Pháp của Chư Phật, Thế Tôn thường nói không nói rối loạn, đây nói là vì bỏ sự rối loạn.

Hoặc nói: Vì bỏ nói trọng, Đức Thế Tôn không bỏ tưởng hạ, tưởng tăng thượng, tức liền có trọng. Pháp của Chư Phật, Thế Tôn không nói trọng, đây nói là vì thuyết bỏ trọng, nên bỏ tưởng hạ, tưởng tăng thượng.

A-nan! Đây là không điên đảo, như Tam-muội Không chân thật, nói là giải thoát hữu vi, giải thoát vô vi.

Hỏi: Giải thoát hữu vi, giải thoát vô vi trong đây là sao?

Đáp: Giải thoát hữu vi là giải thoát đẳng ý, giải thoát vô vi là giải thoát vô ngại.

Hỏi: Vì sao nói giải thoát đẳng ý?

Đáp: Vì một ít đạo đạt được, nên nói giải thoát đẳng ý. Hỏi: Vì sao nói là giải thoát vô ngại?

Đáp: Vì vô lượng đạo đạt được, nên nói giải thoát vô ngại. Hỏi: Vì sao nói giải thoát vô ngại là bất động?

Đáp: Vì kiết, làm cho lay động. Vô ngại là nhân kiết không động, không chuyển, không thoái lui. Vì thế cho nên giải thoát vô ngại nói là không lay động, nghĩa là đến cuối cùng lậu tận, biểu hiện tất cả lậu tận.

Đã nói rộng về phạm vi ba Tam-muội. Nói rộng chương lớn xong.